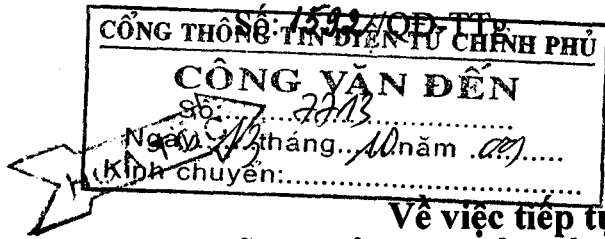


THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2009



QUYẾT ĐỊNH

**Về việc tiếp tục thực hiện một số chính sách
hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt đến năm 2010
cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tiếp tục thực hiện một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt đến năm 2010 cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn để phát triển sản xuất, ổn định và cải thiện cuộc sống.

1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Là hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo theo tiêu chí hộ nghèo quy định tại Quyết định số 170/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ, sinh sống bằng nghề nông, lâm nghiệp chưa có hoặc chưa đủ đất sản xuất theo định; chưa có đất ở; có khó khăn về nhà ở và nước sinh hoạt; chưa được hưởng các chính sách quy định tại Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ.

Riêng đối với Vùng đồng bằng sông Cửu Long thực hiện chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất và giải quyết việc làm theo quy định tại Quyết định số 74/2008/QĐ-TTg ngày 09 tháng 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Nguyên tắc chỉ đạo

a) Hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt trực tiếp đến hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo;

b) Bảo đảm hỗ trợ đúng đối tượng, công khai, công bằng đến từng hộ, buôn, làng trên cơ sở pháp luật và chính sách của Nhà nước;

c) Phù hợp với phong tục, tập quán của mỗi dân tộc, vùng miền, giữ gìn bản sắc văn hoá của từng dân tộc; phù hợp với điều kiện thực tiễn và gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương;

d) Hỗ trợ đất ở gắn với hỗ trợ nhà ở, thực hiện theo phương châm “nhân dân tự làm, nhà nước hỗ trợ, cộng đồng giúp đỡ”;

đ) Các hộ được hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt phải sử dụng đúng mục đích để phát triển sản xuất, cải thiện đời sống góp phần xoá đói giảm nghèo; không được chuyển nhượng, tặng, cho, cầm cố, cho thuê đất sản xuất trong thời gian 10 năm kể từ ngày được nhà nước giao đất; hộ được cấp đất sản xuất, đất ở, nhà ở khi di chuyển đi nơi khác sinh sống (ngoài địa bàn xã, phường, thị trấn) có trách nhiệm giao đất ở, đất sản xuất đã được hỗ trợ cho chính quyền xã (xã, phường, thị trấn) quản lý; đối với hộ di chuyển đến nơi ở mới sinh sống theo quy hoạch của Nhà nước thì tiếp tục được hưởng chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở theo quy định tại Quyết định này;

e) Lao động được hỗ trợ một phần kinh phí để đào tạo nghề, chuyển đổi nghề nghiệp phải sử dụng kinh phí đúng mục đích thông qua các cơ sở đào tạo nghề tại địa phương hoặc kết hợp với chính sách hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm tại các doanh nghiệp.

Điều 2. Về chính sách

1. Hỗ trợ đất sản xuất

a) Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất:

- Định mức đất sản xuất cho mỗi hộ căn cứ theo mức bình quân chung và tùy thuộc vào khả năng quỹ đất hiện còn của địa phương, nhưng tối thiểu là 0,25 ha đất ruộng lúa nước 1 vụ hoặc 0,15 ha đất ruộng lúa nước 2 vụ hoặc 0,5 ha đất nương, rẫy hoặc 0,5 ha đất nuôi, trồng thủy sản;

- Những hộ chưa đủ đất sản xuất theo định mức quy định nêu trên thì được hỗ trợ phần đất sản xuất còn thiếu, chính quyền địa phương căn cứ vào nhu cầu, khả năng lao động, sản xuất của từng hộ để giao đất cho từng hộ;

- Mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương và vay tín dụng cho mỗi hộ để có đất sản xuất không quá 20 triệu đồng/hộ, trong đó ngân sách trung ương cấp 10 triệu đồng/hộ và được vay tín dụng với mức không quá 10 triệu đồng/hộ trong thời gian 5 năm với mức lãi suất bằng 0%; với mức hỗ trợ này, tùy thuộc vào giá đất ở địa phương mà Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định giao đất cho hộ diện tích lớn hơn so với mức quy định trên;

- Các công ty nông nghiệp, lâm nghiệp, ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, các hợp tác xã được giao nhiệm vụ tổ chức cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số sản xuất sẽ được ngân sách trung ương hỗ trợ bình quân 10 triệu đồng/ha để khai hoang, làm đường giao thông, đầu tư lưới điện, xây dựng công trình thủy lợi nhỏ;

- Quỹ đất sản xuất để giao cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, bao gồm: đất công Nhà nước thu hồi theo quy hoạch, đất thu hồi từ các doanh nghiệp, các ban quản lý rừng đang quản lý nhưng sử dụng kém hiệu quả, thu hồi do được giao không đúng đối tượng hoặc không đúng thẩm quyền, đất Nhà nước cho thuê hoặc cho mượn, đất chưa sử dụng, đất thu hồi từ các doanh nghiệp sử dụng sai mục đích hoặc đã giải thể, đất khai hoang, phục hóa, đất được hiến, mua, chuyển nhượng tự nguyện, người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất, cá nhân sử dụng đất chết mà không có người thừa kế...; việc thu hồi phải thực hiện theo đúng Luật Đất đai và các quy định hiện hành.

b) Giao khoán bảo vệ và trồng rừng:

- Hộ gia đình không có hoặc thiếu đất sản xuất so với định mức quy định tại điểm a, có nhu cầu nhận khoán bảo vệ hoặc trồng rừng thì được chính quyền địa phương giao khoán bảo vệ rừng hoặc đất để trồng rừng tương ứng với phần đất sản xuất thiếu so định mức quy định;

- Định mức diện tích giao khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình tối đa không quá 30 ha/ hộ hoặc diện tích đất giao trồng rừng tối đa không quá 5 ha/hộ;

- Đối với hộ nhận giao khoán bảo vệ rừng được ngân sách nhà nước hỗ trợ tiền công bảo vệ rừng là 200.000 đồng/ ha/ năm; hộ nhận đất trồng rừng được hưởng toàn bộ sản phẩm khi khai thác và được ngân sách nhà nước hỗ trợ lần đầu vật tư, giống cây lâm nghiệp theo quy trình trồng rừng sản xuất từ 2 - 5 triệu đồng/ha (mức hỗ trợ cụ thể, căn cứ giá vật tư, giống cây thực tế ở địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định);

- Đối với hộ cư trú ở huyện nghèo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ nhận giao khoán bảo vệ rừng và trồng rừng sản xuất, ngoài chính sách được hưởng theo quy định nêu trên còn được hưởng các chính sách sau: được hỗ trợ 15 kg gạo/khẩu/tháng trong thời gian chưa tự túc được lương thực (thời gian trợ cấp cụ thể do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định), 5 triệu đồng/hộ để tạo đất sản xuất lương thực trong khu vực diện tích rừng nhận khoán bảo vệ và đất được giao trồng rừng sản xuất và được ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay tại ngân hàng thương mại nhà nước để trồng rừng sản xuất.

Căn cứ vào diện tích rừng cần phải bảo vệ, đất quy hoạch trồng rừng sản xuất trên địa bàn xã và số đối tượng có nhu cầu nhận khoán bảo vệ và trồng rừng, Ủy ban nhân dân xã lập phương án và tiến hành các thủ tục giao khoán bảo vệ và trồng rừng cho các đối tượng theo quy định.

c) Hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề:

- Đối với những hộ có lao động nhưng không có nhu cầu học nghề mà có nhu cầu vốn để mua sắm nông cụ, máy móc làm dịch vụ cho các hộ sản xuất nông nghiệp hoặc vốn để làm các ngành nghề khác được ngân sách trung ương hỗ trợ 3 triệu đồng/hộ và được vay vốn tín dụng tối đa không quá 10 triệu đồng/hộ trong thời gian 3 năm với mức lãi suất bằng 0%;

- Đối với những lao động có nhu cầu học nghề để chuyển đổi ngành nghề được ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa 3 triệu đồng/lao động; mức hỗ trợ cho từng lao động cụ thể căn cứ vào học phí, ngành nghề và thời gian học thực tế của lao động, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định;

- Đối với những lao động đã được hỗ trợ học nghề để chuyển đổi ngành nghề, sau khi học nghề nếu có nhu cầu vốn để mua sắm nông cụ, máy móc làm dịch vụ và các ngành nghề khác thì tiếp tục được hỗ trợ 3 triệu đồng/hộ và được vay vốn tối đa không quá 10 triệu đồng/hộ trong thời gian 3 năm, với mức lãi suất bằng 0% để kinh doanh.

Những hộ, lao động chuyển đổi ngành nghề, ngoài việc được hưởng các chính sách nêu trên còn được hưởng các chính sách ưu đãi liên quan về dạy nghề theo quy định hiện hành. Ngoài mức hỗ trợ nêu trên, từng địa phương tùy theo khả năng nguồn ngân sách của mình mà quyết định mức hỗ trợ thêm cho đồng bào.

d) Hỗ trợ đi xuất khẩu lao động:

- Đối với lao động đi xuất khẩu được ngân sách trung ương hỗ trợ kinh phí học nghề bình quân 3 triệu đồng/lao động; mức hỗ trợ cụ thể cho từng lao động: căn cứ vào học phí, ngành nghề và thời gian học thực tế của lao động để xem xét;

- Lao động đi xuất khẩu, ngoài hỗ trợ kinh phí học nghề, trước khi đi xuất khẩu còn được vay vốn tín dụng tối đa 30 triệu đồng/ người; mức vay, thời gian vay cụ thể căn cứ vào nhu cầu và khả năng thực tế của từng đối tượng.

Ngoài mức hỗ trợ nêu trên, từng địa phương tùy theo khả năng nguồn ngân sách của mình mà quyết định mức hỗ trợ thêm cho lao động đi xuất khẩu. Đối với các huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ hỗ trợ đào tạo nghề và đi xuất khẩu lao động thực hiện theo Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Hỗ trợ nước sinh hoạt

a) Nước sinh hoạt phân tán: đối với hộ dân tộc thiểu số nghèo khó khăn về nước sinh hoạt được Nhà nước hỗ trợ bình quân 1 triệu đồng/hộ để xây dựng bể chứa nước hoặc đào giếng nước và tự tạo nguồn nước sinh hoạt.

b) Đối với công trình cấp nước sinh hoạt tập trung:

- Tiếp tục đầu tư xây dựng những công trình nước sinh hoạt ở thôn, bản đang xây dựng dở dang, công trình có quy mô và tổng mức đầu tư từ 1.000 triệu đồng trở xuống thuộc Đề án thực hiện Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ đã được phê duyệt; kinh phí đầu tư xây dựng các công trình theo thực tế của từng dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định phê duyệt;

- Đối với những vùng đặc biệt khó khăn, thiếu nguồn nước, ngân sách trung ương đầu tư theo chương trình mục tiêu riêng.

3. Hỗ trợ nhà ở và đất ở

a) Hỗ trợ nhà ở thực hiện theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ;

b) Hỗ trợ đất ở gắn với hỗ trợ về nhà ở; chính quyền địa phương các cấp tạo quỹ đất giao cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo chưa có đất ở.

Điều 3. Điều kiện vay vốn

1. Những hộ, lao động được xét cho vay vốn để phát triển sản xuất, chuyển đổi ngành nghề phải thuộc đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này và phải có phương án sản xuất, kinh doanh cụ thể được chính quyền, các tổ chức chính trị xã hội cấp xã, phường xác nhận hoặc hỗ trợ gia đình lập.

2. Những lao động đi xuất khẩu vay vốn, ngoài xác nhận của chính quyền xã (xã, phường, thị trấn) phải có xác nhận của doanh nghiệp đưa người đi xuất khẩu lao động được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động và theo chính sách hiện hành về xuất khẩu lao động.

3. Nguồn vốn vay từ Ngân hàng Chính sách Xã hội, người vay không phải trả lãi trong thời gian vay. Mỗi hộ có thể vay một lần hoặc vay nhiều lần, nhưng tổng mức vay các lần không được vượt quá mức quy định; được miễn phí làm thủ tục hành chính trong việc vay vốn. Thủ tục vay vốn, thời hạn cho vay do Ngân hàng Chính sách Xã hội quy định.

Điều 4. Nguồn vốn thực hiện

1. Ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho các địa phương và Ngân hàng Chính sách Xã hội để thực hiện chính sách theo quy định hiện hành.

2. Ngân sách địa phương bảo đảm tối thiểu 20% so với vốn ngân sách trung ương và huy động thêm các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện chính sách.

Đối với các địa phương có khó khăn về ngân sách phải nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương thì ngân sách trung ương hỗ trợ bổ sung phần vốn đối ứng cụ thể theo các mức sau: 20% cho các địa phương nhận bổ sung

cân đối từ ngân sách trung ương trên 70% dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2008; 15% cho các địa phương nhận bổ sung từ 50% - 70% dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2008; 10% cho các địa phương nhận bổ sung dưới 50% dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2008.

3. Ngân hàng Chính sách Xã hội bảo đảm kinh phí cho các hộ thuộc diện đối tượng vay theo mức quy định tại Quyết định này. Nguồn vốn cho vay do ngân sách trung ương cấp 70% trên tổng số vốn vay cho Ngân hàng Chính sách Xã hội, 30% còn lại do Ngân hàng Chính sách Xã hội huy động. Ngân sách trung ương cấp bù chênh lệch lãi suất cho Ngân hàng Chính sách Xã hội theo quy định.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Đối với các Bộ, ngành Trung ương

a) Ủy ban Dân tộc là cơ quan chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan có nhiệm vụ:

- Hướng dẫn các địa phương rà soát xây dựng Đề án thực hiện các chính sách quy định tại Quyết định này;

- Tổng hợp, xây dựng kế hoạch chung thực hiện các chính sách quy định tại Quyết định này báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện Quyết định này theo quy định; tổng kết, đánh giá chính sách khi kết thúc.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc, Bộ Tài chính:

- Tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban Thường vụ Quốc hội bổ sung vốn có mục tiêu cho các địa phương và Ngân hàng Chính sách Xã hội thực hiện ngay trong năm 2009 để hoàn thành các mục tiêu chính sách vào năm 2010;

- Tổng hợp kế hoạch và bố trí vốn có mục tiêu cho các địa phương và Ngân hàng Chính sách Xã hội trong kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2010 báo cáo Thủ tướng Chính phủ để trình Quốc hội phê duyệt.

c) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí kinh phí quản lý cho các địa phương; cấp vốn và kinh phí quản lý thực hiện chính sách theo tiến độ; cấp vốn, bù chênh lệch lãi suất và chi phí quản lý cho Ngân hàng Chính sách Xã hội; chỉ đạo công tác theo dõi, giám sát, kiểm tra và hướng dẫn việc cấp vốn đến đúng đối tượng.

d) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc, các Bộ, ngành liên quan:

- Chỉ đạo hướng dẫn các địa phương thực hiện việc giao khoán bảo vệ, trồng rừng, xây dựng và cải tạo các công trình nước sinh hoạt;

- Hướng dẫn các địa phương có vùng đặc biệt khó khăn, thiếu nguồn nước điều tra, lập và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sinh hoạt cho nhân dân, tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ đầu tư theo chương trình riêng.

đ) Ngân hàng Chính sách Xã hội căn cứ vào các đề án được phê duyệt xây dựng kế hoạch kinh phí cho vay hàng năm, mức hỗ trợ và kinh phí quản lý, mức vốn huy động của ngân hàng và kinh phí bù lãi suất chênh lệch gửi Ủy ban Dân tộc, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ và Quốc hội xem xét, quyết định; hướng dẫn quy trình và thủ tục cho vay; định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ đồng gửi Ủy ban Dân tộc, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về kết quả việc triển khai thực hiện Quyết định.

e) Các Bộ, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm kiểm tra, hỗ trợ các địa phương thực hiện có hiệu quả các chính sách quy định tại Quyết định này.

2. Đối với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện trong việc lập, phê duyệt và thực hiện Đề án thực hiện chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở, nước sinh hoạt và giải quyết việc làm cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo của địa phương (Đề án thực hiện các chính sách quy định tại Quyết định này của địa phương);

b) Công bố công khai các chính sách, tiêu chuẩn, đối tượng và chỉ đạo điều tra, khảo sát, lập, phê duyệt Đề án thực hiện các chính sách quy định tại Quyết định này của địa phương mình; gửi Đề án đã phê duyệt của địa phương cho Ủy ban Dân tộc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ngân hàng Chính sách Xã hội trước ngày 20 tháng 10 năm 2009 để các Bộ, ngành tổng hợp, xây dựng kế hoạch thực hiện báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

c) Chỉ đạo các cấp, các ngành ở địa phương phối hợp với các tổ chức đoàn thể với các cơ sở đào tạo, các doanh nghiệp trên địa bàn để triển khai thực hiện Quyết định này có hiệu quả nhất;

d) Chỉ đạo lồng ghép nguồn vốn thực hiện các chính sách của Quyết định này với các chương trình, dự án, các chính sách khác trên địa bàn; tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ đồng bộ, tổng hợp trên cùng địa bàn để đẩy nhanh việc xóa đói nghèo, nâng cao đời sống cho đồng bào dân tộc thiểu số;

đ) Hỗ trợ và chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp dưới tạo điều kiện để Ngân hàng Chính sách Xã hội thực hiện việc cho vay và thu hồi nợ;

e) Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện, đảm bảo việc thực hiện đúng mục đích, đúng đối tượng, không để xảy ra thất thoát, tiêu cực.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 7. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các BCĐ: Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, ĐP (5b).XH 240

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng